

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

Số: 5243/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên địa bàn phường Phổ Ninh từ nguồn vốn thừa (đấu thầu giảm giá) trong thực hiện gói thầu: Cung ứng bò cái lai Zebu sinh sản thuộc Tiểu dự án 1 dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ban hành Định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ban hành Định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (Nguồn vốn ngân sách Trung ương);

Căn cứ Quyết định số 4222^a/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc thu hồi kinh phí chi thường xuyên năm 2022 chưa sử dụng và bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND thị xã về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thị xã Đức Phổ.

Căn cứ Công văn số 2549/UBND ngày 23/8/2023 của UBND thị xã về việc tiếp tục sử dụng kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo tại các xã, phường: Phổ Phong, Phổ Thạnh và Phổ Ninh.

Theo Báo cáo kết quả thẩm định số 06/BC-TTĐ ngày 27/9/2023 của Tổ Thẩm định và Tờ trình số 66/TTr-PKT ngày 27/9/2023 của Phòng Kinh tế thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên địa bàn phường Phổ Ninh từ nguồn kinh phí còn lại sau khi thực hiện đấu thầu lần 1 gói thầu: Cung ứng bò cái lai Zebu sinh sản thuộc Tiểu dự án 1 dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên địa bàn phường Phổ Ninh.

2. Loại mô hình: Hỗ trợ giống vật nuôi (chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản).

3. Cơ quan chủ đầu tư: UBND phường Phổ Ninh.

4. Đơn vị thực hiện dự án: UBND phường Phổ Ninh.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2026 (36 tháng).

6. Địa điểm thực hiện: Tổ dân phố An Ninh và An Trường, phường Phổ Ninh.

7. Quy mô: 04 con/04 hộ (02 hộ nghèo, 02 hộ cận nghèo).

8. Mục tiêu, yêu cầu và đối tượng tham gia của dự án

8.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

- Cải thiện sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn phường Phổ Ninh trong thời gian đến.

- Phát huy tiềm năng, năng lực sẵn có của địa phương để phát triển kinh tế hộ gia đình, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai Zebu sinh sản (*con giống* $\geq 220\text{kg/con}$).

- Tạo điều kiện cho hộ dân tham gia dự án áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong chăn nuôi thâm canh bò cái lai sinh sản và bê lai hướng thịt đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Từng bước hình thành chuỗi giá trị chăn nuôi bò, nâng cao năng lực cho người nghèo, giúp họ tự tin tham gia phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo.

8.2. Yêu cầu:

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội và chương trình giảm nghèo bền vững của địa phương;

- Thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, đúng với các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

8.3. Đối tượng tham gia dự án:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn phường.

- Được xét chọn thông qua cuộc họp Tổ dân phố.

- Hộ có cam kết thực hiện nghiêm túc hướng dẫn kỹ thuật các nội dung theo đúng quy định của dự án.

- Hộ tham gia dự án có trách nhiệm đối ứng về diện tích đất trồng cỏ, chuồng trại và chuẩn bị nguồn thức ăn cho vật nuôi đảm bảo để thực hiện dự án và hưởng lợi từ dự án.

9. Nội dung:

9.1. Hoạt động triển khai:

a) Công tác chuẩn bị:

Tổ chức họp dân phố biến rõ về dự án, nội dung đầu tư, mức hỗ trợ của nhà nước, mức đóng góp của người dân dân.

b) Chọn hộ tham gia mô hình:

Trên cơ sở yêu cầu về đối tượng tham gia mô hình như đã nêu tại điểm 8.3 nêu trên, UBND phường phối hợp với các Hội Đoàn thể, UBMTTQVN phường tổ chức cuộc họp Tổ dân phố để xét chọn hộ tham gia dự án.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các đối tượng tham gia dự án.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo theo dõi báo cáo đột xuất, định kỳ theo đúng thời gian quy định: Định kỳ UBND phường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở đến các hộ tham gia dự án tổng hợp báo cáo theo quy định.

9.2. Hoạt động đầu tư, hỗ trợ: Hỗ trợ con giống, vật tư thức ăn tinh (*cấp bằng hiện vật*).

a) *Hỗ trợ bò giống, vật tư:*

- Hỗ trợ 04 con bò cái giống lai Zê bu, trọng lượng bò từ 220 kg/con trở lên; bò được tiêm phòng các bệnh theo quy định của ngành thú y; một phần vật tư là thức ăn tinh.

* *Yêu cầu về con giống:* Giống bò: Sử dụng bò cái hậu bị lai Zebu (lai Sind, Lai Brahman, lai Sahiwal) để đầu tư phát triển chăn nuôi; Độ tuổi: Từ 15-18 tháng; Trọng lượng: Từ 220 kg/con trở lên; Màu lông: Đỏ, vàng đậm, vàng, cánh gián; Ngoại hình: Cân đối, vai mông phát triển, âm hộ có nếp nhăn, bầu vú phát triển, 04 núm vú to, dài vừa phải, bốn chân vững chắc, đuôi dài, khẩu đuôi to, khung chậu rộng, không khuyết tật; Thể trạng: Từ trung bình đến khá tốt, bò đạt tiêu chuẩn làm giống; Nguồn gốc: Giống chọn lọc trong nông hộ vùng an toàn dịch bệnh.

- Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng: Theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Vật tư và dụng cụ chăn nuôi bò: Người chăn nuôi đối ứng kinh phí để làm chuồng trại, thức ăn tinh, thuốc thú y, trồng cỏ và các tư liệu sản xuất khác,... để chăn nuôi bò.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho các hộ tham gia dự án.

c) *Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo theo dõi báo cáo đột xuất, định kỳ theo đúng thời gian quy định:* Định kỳ UBND phường phối hợp với Phòng Kinh tế kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi bò giống và hướng dẫn hộ tham gia dự án chăn nuôi bò cái lai Zêbu sinh sản chăn nuôi đúng kỹ thuật để đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời báo cáo kết quả thực hiện dự án hoặc khi có yêu cầu.

d) *Các chỉ tiêu kỹ thuật của dự án:*

- Tỷ lệ bò cái có chửa trên tổng số bò cái đầu tư hỗ trợ $\geq 90\%$

- Trọng lượng bê con sơ sinh $\geq 25\text{kg/con}$.

- Trọng lượng bê con lúc 06 tháng tuổi đạt $\geq 120\text{kg/con}$.

đ) *Dự kiến hiệu quả:* Tạo việc làm, tăng thu nhập nhằm mục đích cải thiện nâng cao đời sống cho hộ dân tham gia dự án; sau 36 tháng tham gia dự án có ít nhất từ 10 - 15% số hộ tham gia dự án được thoát nghèo.

10. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện:

a) Tổng kinh phí: **155.080.000** đồng, trong đó:

- Vốn Nhà nước hỗ trợ: 90.750.000 đồng, chiếm 58,52% (trong đó: hỗ trợ giống, vật tư cấp bằng hiện vật: 88.550.000 đồng, chiếm tỷ lệ 97,58%).

- Vốn dân đóng góp: 64.330.000 đồng, chiếm 41,48%.

b) Nguồn kinh phí: Sử dụng nguồn kinh phí còn lại sau khi đấu thầu lần 01 được giao tại các Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND thị

xã Đức Phổ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (Nguồn vốn ngân sách Trung ương); Quyết số 4222^a/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc thu hồi kinh phí chi thường xuyên năm 2022 chưa sử dụng và bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất năm 2022 và Công văn số 2549/UBND ngày 23/8/2023 của UBND thị xã về việc tiếp tục sử dụng kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo tại các xã, phường: Phổ Phong, Phổ Thạnh và Phổ Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Kinh tế: Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện; tham mưu UBND thị xã giải quyết những khó khăn vướng mắc theo đề nghị của UBND phường Phổ Ninh và các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Phân khai nguồn kinh phí thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội: Theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện Dự án trên địa bàn phường Phổ Ninh.

4. UBND phường Phổ Ninh:

- Trên cơ sở dự án được phê duyệt tổ chức lựa chọn đơn vị có uy tín để thực hiện dự án đạt hiệu quả; hướng dẫn giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu.

- Chủ động phối hợp với đơn vị được giao nhiệm vụ, hướng dẫn các hộ dân tham gia dự án thực hiện đúng quy trình kỹ thuật.

- Tổ chức kiểm tra và cấp phát con giống cho các hộ tham gia dự án theo danh sách đã được phê duyệt;

- Cử cán bộ phụ trách phối hợp với các hội đoàn thể, Tổ Trưởng tổ dân phố, Ban phát triển thôn thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án;

- Chỉ đạo các Tổ dân phố: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án của các hộ gia đình được hỗ.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các đợt kiểm tra, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo quy định.

5. Về trách nhiệm của hộ tham gia dự án:

- Hộ gia đình được xét chọn tham gia dự án phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của dự án và chịu sự giám sát của địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Hộ tham gia dự án có cam kết thực hiện các nội dung theo đúng quy định của dự án với UBND phường về chăm sóc bò và không tự ý bán bò.
- Chịu trách nhiệm các điều kiện về diện tích đất trồng cỏ, chuồng trại và chuẩn bị nguồn thức ăn cho vật nuôi đảm bảo để thực hiện dự án và hưởng lợi từ dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các Phòng: Kinh tế, Tài chính- Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Phổ Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. // *W*

Nơi nhận: *ck*

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Phòng LD-TB và XH;
- VP HĐND và UBND;
- Lưu: VT, PKT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

W
Võ Thanh Hùng



PHỤ LỤC 1:
DỰ TOÁN CHI TIẾT
Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022
Qui mô: 04con/04 hộ

| T | ĐVT | SL | Đơn giá | Thành tiền | Trong đó | | | | Chi chú | |
|----|--|--------|---------|----------------|----------------------|------------|----------------|----------|---|-----|
| | | | | | Yêu cầu chương trình | | | | | |
| | | | | | Vốn NSNN | % | Vốn dân đầu tư | % | | |
| I | Giống, vật tư, chuồng trại | | | 152.880 | 88.550 | | 64.330 | | Theo Định mức Kỹ thuật tại QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 6/4/2022 của UBND tỉnh. | |
| 1 | Bò cái lai Zê bu, trọng lượng hơi ≥ 220 kg/con | con | 4 | 19.250 | 77.000 | 100 | 0 | 0 | | |
| 2 | Nguyên vật liệu thiết yếu | | | 35.880 | 11.550 | | 24.330 | | | |
| a | Thực ăn tinh hỗn hợp cho bò cái chửa (540kg/con) | kg | 2.160 | 16 | 34.560 | 10.830 | 31 | 23.730 | | 69 |
| b | Tàng đá liếm (3 kg/con) | kg | 12 | 60 | 720 | 720 | 100 | 0 | | 0 |
| c | Vắc xin | | | | 600 | 0 | 0 | 600 | | 100 |
| | Lỡ mòn long móng (01 liêu/con/năm) | liêu | 4 | 50 | 200 | 0 | 0 | 200 | | |
| | Tu huyết rừng (1 liêu/con/năm) | liêu | 4 | 50 | 200 | 0 | 0 | 200 | | |
| | Viêm da nổi cục (01 liêu/con/năm) | liêu | 4 | 50 | 200 | 0 | 0 | 200 | | |
| d | Thực ăn xanh | tấn | 29 | 500 | 14.400 | 0 | | 14.400 | | 100 |
| 3 | Xây dựng chuồng trại | chuồng | 4 | 10.000 | 40.000 | 0 | 0 | 40.000 | 100 | |
| II | Chi phí thẩm định giá bò giống, vật tư chăn nuôi | lần | 1 | 2.200 | 2.200 | 100 | 0 | 0 | 0 | |
| | Tổng cộng | | | 155.080 | 2.200 | 100 | 64.330 | 0 | Theo thực tế | |

ĐVT: 1.000 đồng

Bảng chú: Một trăm năm mươi tám triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng

Phụ lục: 02
HÀCH TOÁN KINH TẾ
Phương án hỗ trợ bò cái lai zê bu sinh sản
(Tính cho 01 bò cái sau 36 tháng nuôi)

ĐVT: 1.000 đồng

| TT | Mô tả | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|---|--|-----|----------|---------|---------------|-------------------------------|
| I | PHẦN CHỨA | | | | 37.998 | |
| 1 | Bò cái, 4 tháng tuổi, trọng lượng ≥ 220 kg/con | con | 1 | 19.250 | 19.250 | |
| 2 | Thực ăn cho bò cái chứa | | | | 15.120 | |
| | - Thực ăn tinh | kg | 540 | 16 | 8.640 | 540 kg/con |
| | - Thực ăn xanh | tân | 22 | 300 | 6.480 | 20 kg/con/ngày; 36 tháng nuôi |
| 3 | Thực ăn cho bê | | | | 828 | |
| | - Thực ăn tinh | kg | 18 | 16 | 288 | 3 tháng; 0,2kg/con/ngày |
| | - Thực ăn xanh | tân | 1,8 | 300 | 540 | 6 tháng; 10 kg/con/ngày |
| 4 | Thuốc thú y cho bò mẹ và bê con | | 2 | 100 | 200 | |
| 5 | Chi phí điện nước, vật rẻ | năm | 2 | 1.000 | 2.000 | |
| 6 | Chi phí phối giống | lứa | 2 | 300 | 600 | |
| II | PHẦN THU | | | | 61.000 | |
| 1 | Chính phẩm (bê con) | con | 2 | 18.000 | 36.000 | bê con 6 - 8 tháng tuổi |
| 2 | Giá trị bò cái mẹ | con | 1 | 25.000 | 25.000 | bò mẹ chứa lứa thứ 3 |
| Lợi nhuận tính cho 01 bò cái sau 36 tháng nuôi (không tính công) | | | | | 23.002 | |
| Lợi nhuận tính cho cả dự án (04 con) | | | | | 92.008 | |